

Số: 05 /GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng và hồ sơ kèm theo; Công văn số 150/KSONMT-CTRSH ngày 12/01/2024 của Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thẩm định cấp Giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-TNMT ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, địa chỉ trụ sở chính tại phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn” tại phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn và phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn và phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy phép đầu tư số 1935/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 26 tháng 6 năm 1997 và Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1935/GPĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 09 tháng 01 năm 2006.



Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5402604264 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 1997; thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 8 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 0200108258

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng văn phòng, nhà xưởng để sản xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng: 155,2 ha.

- Quy mô, công suất: Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng một khu công nghiệp trên diện tích 150,0 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Liên doanh Khu Công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Liên doanh Khu Công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn và phường Tân Thành, quận Dương Kinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND quận;
- Ban quản lý khu kinh tế HP;
- Phòng TN&MT quận;
- UBND phường Ngọc Xuyên;
- UBND phường Tân Thành;
- Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn HP;
- Lưu: VT.



Nguyễn Quang Dũng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...05.../GPMT-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hoạt động tại khu điều hành, khu công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp Đồ Sơn.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất và sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ từ các doanh nghiệp thành viên trong Khu Công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.

Dự án có 01 dòng thải sau trạm xử lý nước thải tập trung vào kênh Cống Than.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý khi qua trạm xử lý sẽ chảy vào kênh Cống Than thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại vị trí tiếp nhận: Tại vị trí đầu nối hệ thống thoát nước nội bộ của Công ty liên liên doanh khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng với kênh Cống Than: Tọa độ vị trí tiếp nhận $X(m) = 229359.775$ $Y(m) = 605090.187$.

- Tại vị trí nước thải sau xử lý chảy vào kênh Cống Than (nằm ngoài hàng rào khu công nghiệp): Tọa độ $X(m) = 2295097.431$ $Y(m) = 605317.703$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 950 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý: nước thải sau trạm xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (giá trị C cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,1$).

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	C _{max} (Cột A)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/C ₀	50
3	pH	-	6-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7
5	COD	mg/l	74,25
6	TSS	mg/l	49,5

7	Asen (AS)	mg/l	0,0495
8	Thủy ngân	mg/l	0,00495
9	Chì	mg/l	0,099
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,0495
11	Crom (VI)	mg/l	0,0495
12	Crom (III)	mg/l	0,198
13	Đồng	mg/l	1,98
14	Kẽm	mg/l	2,97
15	Niken	mg/l	0,198
16	Mangan	mg/l	0,495
17	Sắt	mg/l	0,99
18	Tổng Xianua	mg/l	0,0693
19	Tổng phenol	mg/l	0,099
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95
21	Sunfua	mg/l	0,198
22	Florua	mg/l	4,95
23	Amoni	mg/l	4,95
24	Tổng Nitơ	mg/l	19,8
25	Tổng Phốt pho	mg/l	3,96
26	Clorua	mg/l	495
27	Clo dư	mg/l	0,99
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,297
30	Tổng PCB	mg/l	0,00297

31	Coliform	VK/100ml	3.000
32	Tổng hoạt động độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
330.	Tổng hoạt động độ phóng xạ β	Bq/l	1

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại sau đó được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp sau khi được xử lý sơ cấp đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi của Khu Công nghiệp Đồ Sơn được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp với công suất 1.200 m³/ngày.đêm để thu gom xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt sơ đồ thu gom nước thải:

+ Nước thải khu vệ sinh nhà điều hành → bể tự hoại → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp → Nước thải sau xử lý chảy vào kênh Cống Than thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ.

+ Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp được xử lý sơ bộ đáp ứng tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp Đồ Sơn → hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Đồ Sơn → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) chảy vào kênh Cống Than thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ.

Trạm xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.đêm với công nghệ xử lý vi hóa sinh đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý của Trạm đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A).

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Đồ Sơn với công suất 1.200 m³/ngày.đêm:

+ Nước thải (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể kết bông → Bể lắng sơ cấp → Bể Aerotank → Bể lắng thứ cấp → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Hồ sinh học → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) chảy vào kênh Cống Than thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ.

- Công suất thiết kế:

- + 01 bể điều hòa với dung tích 378,0m³;
- + 01 bể trung hòa với dung tích 13,5m³;
- + 01 bể keo tụ với dung tích 13,5m³;
- + 01 bể kết bông với dung tích 27,0m³;
- + 01 bể lắng sơ cấp với dung tích 337,5m³;
- + 01 bể Aertank với dung tích 1.080,0m³;
- + 01 bể lắng thứ cấp với dung tích 486,0m³;
- + 01 bể lọc cát với dung tích 81,0m³;
- + 01 bể khử trùng với dung tích 81,0m³;
- + 01 hồ sinh học với dung tích 405,0m³.
- + 01 bể chứa bùn với dung tích 67,5m³.

- Thông số và giá trị các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất QCVN 40:2011/BTNMT (giá trị C cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; $C_{max} = C \cdot K_q \cdot K_f$) và theo đúng các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Việc kết nối số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng đã lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng xác nhận việc tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động.

- Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục định kỳ phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- 01 Hồ sự cố với dung tích 1.200m³.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của trạm xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị của trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành trạm xử lý theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm h, khoản 1, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thường xuyên kiểm tra hạ tầng kỹ thuật, vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp phát sinh trong Khu công nghiệp Đồ Sơn bảo đảm đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả Trạm xử lý, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

- Ghi chép nhật ký vận hành theo quy định và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình vận hành nêu trong hồ sơ.

- Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng gửi kết quả quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng/01 lần/năm tại điểm xả và kết quả chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí tiếp nhận nước thải của Công ty (06 tháng/1 lần) về Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Đồ Sơn và các cơ quan liên quan để tổng hợp báo cáo.

- Khi tiến hành lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải phải có sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn trước khi xả thải ra môi trường. *lu*

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...05...../GPMT-UBND
ngày 06.. tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung.
- + Nguồn số 2: Khu vực Trạm biến áp.
- + Nguồn số 3: Khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: X = 2295041 (m); Y = 605324 (m).
 - Nguồn số 2: X = 2295055 (m); Y = 605348 (m).
 - Nguồn số 3: X = 2295045 (m); Y = 605325 (m)
- (Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105^o45' múi chiều 3^o)

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Khu công nghiệp.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giám sát bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. *Uhu*

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...05...../GPMT-UBND
ngày 06... tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	63.196
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	1,8
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	4,9
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	NH	3,5
5	Bao bì mềm (chứa chất có thành phần nguy hại) thải	Rắn	18 01 01	KS	5,6
Tổng					63.211,8

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 14,60 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 17,15 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa khép kín, có mái che, sàn bê tông có khả năng chống thấm, xây tường gạch; có rãnh thu gom và có gờ chống tràn cao 15cm và có biển dấu hiệu cảnh báo. Bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy loại 10L - 240L.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 09/2/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải: bao bì/thùng chứa màu xanh lá cây (chứa rác thải thực phẩm), bao bì/thùng chứa màu trắng (chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế), bao bì/thùng chứa màu vàng (chứa rác thải sinh hoạt khác).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. *Ưu*



Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..05...../GPMT-UBND
ngày .06.. tháng 02.. năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác xung quanh khu vực xả thải.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường. *Uu*

PH.1